

# Khu Bảo tồn Biển Côn Đảo

## Tên khác

Cơn Sơn, Poulo Condore

## Tỉnh

Bà Rịa-Vũng Tàu

## Tình trạng

Đề xuất

## Ban quản lý được thành lập

Chưa thành lập

## Vĩ độ

8°34' - 8°49' vĩ độ Bắc

## Kinh độ

106°31' - 106°45' kinh độ Đông

## Vùng địa lý sinh học

05a - Châu thổ Sông Mê Kông



## Tình trạng bảo tồn

Vườn Quốc gia Côn Đảo được thành lập ngày 01/03/1984 theo Nghị định Số 85/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Diện tích của vườn theo quyết định đó là 6.000 ha (Bộ NN và PTNT 1997). Vào ngày 31/03/1993 dự án đầu tư cho vườn quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định Số 135/TTg. Theo dự án đầu tư, diện tích vườn là 15.043 ha (ADB 1999), bao gồm khu vực đất liền 6.43 ha và vùng biển 9.000 ha (Anon. 1990). Một dự án đầu tư được chỉnh sửa lại cho vườn cũng đã được UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt ngày 16/05/1998. Theo dự án đầu tư sửa đổi thì diện tích vườn là 19.998 ha, bao gồm vùng đất liền trên đảo là 5.998 ha và diện tích vùng biển là 14.000 ha (Anon. 1997). Cùng với Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Côn Đảo là một trong hai khu bảo vệ ở Việt Nam đã có quyết định thành lập bao gồm cả vùng biển.

Việc thành lập khu bảo tồn biển ở Côn Đảo lần đầu tiên do Viện Hải Dương Học Hải Phòng đề xuất vào năm 1995. Theo đề xuất này thì diện tích khu bảo tồn biển chưa được xác định rõ (Nguyễn Huy Yết và Võ Sĩ Tuấn 1995). Tuy nhiên, Côn đảo đã có trong danh sách 16 khu bảo tồn biển do Bộ KHCN và MT đề nghị trong năm 1998

(Nguyễn Chu Hồi *et al.* eds. 1998). Khu bảo tồn biển Côn Đảo tiếp tục được Ngân hàng Phát triển Châu á đề xuất trong hệ thống các khu bảo tồn biển và ven biển Việt Nam (ADB 1999). Theo đề xuất của Ngân hàng Phát triển Châu á, diện tích khu bảo tồn biển này là 29.400 ha, bao gồm vùng biển 23.000 ha và vùng đất liền 6.400 ha.

## Địa hình và thủy văn

Khu đề xuất bảo tồn biển Côn Đảo ở trung tâm của quần đảo có đến 14 đảo nhỏ, lớn nhất trong số đó là đảo Côn Sơn, có diện tích 5.800 ha. Quần đảo này nằm ngoài khơi cách bờ biển nam Việt Nam khoảng 80 km. Điểm cao nhất trên đảo là 577m, nơi sâu nhất thuộc vùng biển là 50m. Tuy nhiên, phần lớn vùng nước biển xung quanh các đảo chỉ sâu không quá 30m.

## Đa dạng sinh học

Vùng nước mặn ở quần đảo Côn Đảo có các rạn san hô, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn. Các dạng đá san hô phổ biến nhất là san hô có tua viền và san hô rời. Các giống san hô chiếm ưu thế là *Acropora*, *Porites*, *Pachyseris*, *Montipora* và *Pavona*. Hệ sinh thái san hô chứa đựng sự đa dạng cao về các loài cá có đời sống thích nghi tại

đây, đã ghi nhận được 202 loài. Mật độ cá san hô đã ghi nhận được tại Côn Đảo cao hơn các nơi khác ở Việt Nam (ADB 1999).

Các lớp cỏ biển trong khu này ưu thế bởi các loài *Thalassia hemprichii* và *Halophila ovalis* (ADB 1999). Các lớp này là nơi kiếm ăn quan trọng của loài Bò biển *Dugong dugon*, một loài thú đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu có ở Côn Đảo (Cox 2000).

Rừng ngập mặn Côn Đảo đặc trưng bởi các loài *Bruguiera gymnorrhiza*, *Avicennia alba* và *Rhizophora mucronata*, và là nơi cung cấp nguồn cá giống quan trọng (ADB 1999).

Bãi biển Côn Đảo là nơi làm tổ của 2 loài rùa biển, đó là Vích *Chelonia mydas* và Đồi mồi *Eretmochelys imbricata*. Tại 4 bãi biển chính, có khoảng 1.000 con rùa biển vào bờ đẻ trứng hàng năm (Nguyễn Thị Đào 1999).

### Các vấn đề về bảo tồn

Theo Ngân hàng Phát triển Châu á (ADB 1999) các kỹ thuật đánh bắt thủy sản mang tính hủy hoại không thấy sử dụng phổ biến ở vùng biển của quần đảo Côn Đảo. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu á (ADB 1999) thì hiện tượng khai thác quá mức các sản phẩm biển do cả dân chài địa phương và từ các vùng khác đến, điều này đã dẫn đến tình trạng làm mất đi loài tôm hùm và hải sâm và các loài thân mềm từ các rạn san hô cũng trở nên khan hiếm. Nhiều thuyền đánh cá neo đậu tại bến các đảo để lấy nước ngọt hoặc để tránh các cơn bão tố cũng làm hư hại các rạn san hô, làm xáo trộn và ô nhiễm vùng sống (ADB 1999).

Quần thể bò biển ở Côn Đảo đã bị suy giảm trong vài năm gần đây, số lượng của chúng hiện ước tính còn từ 10 đến 20 cá thể. Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng suy giảm quần thể này có thể do chúng bị tổn thương do va đập với các chân vịt của thuyền, do bị vướng vào lưới đánh cá và do các thảm cỏ biển bị mất đi. Nếu không có các biện pháp kiểm tra ngăn chặn các yếu tố gây hại này thì đây có thể sẽ là nguyên nhân làm mất đi quần thể bò biển sau vài năm nữa (Nguyễn Thị Đào 1999, Cox 2000).

Hiện tượng mất đi các lớp cỏ biển cũng đe dọa đến loài vích vì đây cũng là nguồn thức ăn quan trọng của chúng. Các lớp cỏ biển cũng rất nhạy cảm với sự thay đổi môi trường, đặc biệt là sự lắng đọng và thay đổi tầng thủy lực do hậu quả của sự phát triển cơ sở hạ tầng trên các đảo. Những mối đe dọa khác ở khu bảo tồn biển này là việc các ngư dân dùng đèn có độ chiếu sáng cao, thu nhặt trứng rùa để làm thực phẩm, hiện tượng ô nhiễm và biến mất các bãi biển là nơi làm tổ của rùa do phát triển cơ sở hạ tầng (Nguyễn Thị Đào 1999).

Dân cư trên các đảo có khả năng tăng lên 10.000 người trong vòng 5 đến 10 năm tới, điều đó đồng nghĩa với việc tăng áp lực lên hệ sinh thái vùng biển. Theo Ngân hàng Phát triển Châu á (ADB 1999) lãnh đạo huyện và vườn quốc gia rất quan tâm đến mọi ảnh hưởng của sự phát triển cơ sở hạ tầng hiện nay và ảnh hưởng của sự gia tăng dân số và phát triển du lịch đến môi trường trong tương lai.

Từ năm 1993, các hoạt động của ban quản lý vườn quốc gia gồm việc tuần tra và bảo vệ môi trường biển. Để thực hiện công việc này, vườn có 2 thuyền tuần tiểu (ADB 1999). Ban quản lý vườn quốc gia cũng bảo vệ các bãi làm tổ của rùa biển, và tổ chức việc ấp trứng rùa nhân tạo trên 4 đảo, với sự hỗ trợ của Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế Giới - WWF, Chương trình Đông Dương (Nguyễn Thị Đào 1999). Hiện vẫn còn chưa rõ khu bảo tồn biển ở Côn Đảo tới đây có được xây dựng hay không, vùng biển có tiếp tục được ban quản lý vườn quốc gia quản lý hay do đơn vị khác quản lý.

### Các giá trị khác

Xung quanh quần đảo Côn Đảo có một số bãi đánh bắt cá quan trọng nhất ở phía nam Việt Nam, và các vùng nước thuộc quần đảo này là vùng sinh sản và cung cấp cá con quan trọng đối với khu phân bố của các loài sinh vật biển. Theo chiều hướng này, vùng biển của khu đề xuất bảo tồn biển Côn Đảo góp phần vào việc duy trì lâu dài nghề thủy sản trong khu vực và nền kinh tế địa phương (ADB 1999).

Thêm vào đó, khu bảo tồn biển Côn Đảo có nhiều tiềm năng đối với việc phát triển các hoạt

động du lịch như đi bộ, bơi lội và thăm quan các bãi rùa biển làm tổ. Những tiềm năng này đã bắt đầu trở thành hiện thực, mặc dầu nó mâu thuẫn cũng như mang lại nhiều ảnh hưởng rõ rệt đến môi trường.

## Các dự án có liên quan

Có ba dự án tập trung vào bảo tồn biển đã được thực hiện ở Côn Đảo trong những năm gần đây. Trước tiên là Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế Giới - WWF Chương trình Đông Dương và Cơ quan tư vấn môi trường toàn cầu đã thực thi dự án "Trình diễn về quản lý môi trường biển và ven biển Côn Đảo" do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ (ADB). Các mục tiêu của dự án này là phát triển kế hoạch quản lý môi trường biển và ven biển và quản lý du lịch cho vườn quốc gia. Thứ hai là WWF- Chương trình Đông Dương, Viện hải dương học Nha Trang và Trường Đại học Khoa học và kỹ thuật Hồng Kông đã thực hiện dự án do DANIDA tài trợ về bảo tồn đa dạng sinh học biển trong năm 1998. Thứ ba là WWF - Chương trình Đông Dương đã thực hiện giai đoạn hai dự án do DANIDA tài trợ trong năm 2000.

Ngoài ra, WWF - Chương trình Đông Dương đang thực hiện giai đoạn 5 năm cuối của dự án Bảo tồn rùa biển ở vườn quốc gia Côn Đảo. WWF- Chương trình Đông Dương đang cùng với ban quản lý vườn thực hiện dự án bảo tồn rùa biển. Dự án này được khởi đầu bằng chương trình giám sát rùa biển, và đã năm lần cho ấp nhân tạo để bảo vệ các trứng của rùa biển khỏi bị phá hủy tự nhiên. Dự án này do Chương trình WWF quốc tế và WWF Mỹ và WWF Hà Lan tài trợ (Nguyễn Thị Đào pers. comm.).

Ngân hàng Phát triển Châu Á hiện đang trợ giúp về kỹ thuật với dự án khu vực có tên là "Quản lý môi trường biển và ven bờ biển đông", được trợ giúp một phần từ khoản viện trợ của Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Điển. Dự án nhằm mục đích tăng cường hoàn thiện việc quản lý các nguồn tài nguyên biển và ven bờ biển trong khu vực, hiện dự án đang được Bộ KHCN và MT thực hiện. Trong khuôn khổ của dự án này, bản thảo về hệ thống khu bảo tồn biển đối với Việt Nam đang

được hoàn thiện, chỉnh lý gồm 30 khu bảo tồn biển và ven bờ biển của cả nước. Khu bảo tồn biển Côn Đảo cũng nằm trong dự án này.

## Tài liệu tham khảo

ADB (1999) Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Anon. (1990) [Investment plan for Con Dao National Park]. Con Dao: Con Dao National Park Management Board and the Centre for Natural Resources and Environmental Studies. In Vietnamese.

Anon. (1997) [Investment plan for Con Dao National Park: 1998-2002]. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Sub-FIPI. In Vietnamese.

Anon. (1998) [Con Dao National Park special issue]. Bien [The Sea]: August, September and October 1998. In Vietnamese.

Con Dao National Park Management Board (2000) [FPD questionnaire]. Con Dao: Con Dao National Park Management Board. In Vietnamese.

Con Dao National Park (2000) Con Dao National Park, Vietnam. Tourist map of by Con Dao National Park.

Con Dao National Park (2000) Ecotourism in Con Dao National Park. Tourist booklet for Con Dao National Park.

Cox, N. (2000) Vietnam's gentle sea cow teeters on brink of extinction. Vietnam News 16 September 2000.

Hardcastle, J. (undated) Tourism development on Con Dao islands: a case study in action. Unpublished discussion paper.

Ngo An (1999) Effects of the Typhoon No. 5 on the protective power of the vegetation cover of Con Dao National Park. Lam Nghiep [Vietnam Forest Review] February 1999: 17-19. In Vietnamese.

Nguyen Chu Hoi, Nguyen Huy Yet and Dang Ngoc Thanh eds. (1998) [Scientific basis for

marine protected areas planning]. Hai Phong: Hai Phong Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Nguyen Duc Ngan (1994) [Building forestry database and vegetation map in Con Dao National Park]. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Sub-FIPI. In Vietnamese.

Nguyen Huy Yet and Vo Si Tuan (1995) [Information on proposed marine protected areas on the coast of Vietnam]. Hai Phong: Hai Phong Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Nguyen Thi Dao (1999) Marine turtle status report in Con Dao National Park. Hanoi: WWF Indochina Programme.

Nguyen Truong Giang (1998) [Marine turtle conservation plan]. Unpublished report to Con Dao National Park Scientific Department. In Vietnamese.

Ross, M. and Andriani, A. D. (1998) Marine biodiversity conservation at Con Dao National Park, Vietnam. Hong Kong: Institute of Environment and Sustainable Development, Hong Kong University of Science and Technology.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Vo Si Tuan ed. (1995) [Survey report on the biodiversity resource utilisation and the conservation potential of Con Dao island]. Nha Trang: Nha Trang Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Vo Si Tuan ed. (1995) Survey report on the biodiversity, resource utilization and conservation potential of Con Dao islands (south Vietnam). Nha Trang: Nha Trang Institute of Oceanography.

Vu An Ha, Nguyen Thanh Son, Hoang Dung and Vu Van Bien (1983) [Science report on Con Dao protected area]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Wildash, P. (1967) An ornithological expedition to Poulo Condore (Con Son). Newsletter of Ornithologists Association of Vietnam 1: 19-29.